

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2026/KDTM-PT

Ngày: 05-02-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Ông Đỗ Văn Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 49/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 (Công ty T3); địa chỉ: lầu A, Tòa nhà H 6, xã P, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Tuấn V – Chức vụ: Tổng giám đốc; cư trú tại số D, đường U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Công ty L; địa chỉ: G tầng T, khu phố A, phường P, thành phố T (nay là phường L), Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng ủy quyền ngày 04/4/2024.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty L: Bà Thái Thị Xuân S – Chức vụ: Giám đốc.

+ Ông Phạm Quốc K, sinh năm: 1986; cư trú tại tầng E, Tòa nhà S, số D, đường U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2024).

+ Ông Ngô Mậu H, sinh năm: 1999; cư trú tại tầng E, Tòa nhà S, số D, đường U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/12/2024).

+ Ông Phan Thanh T, sinh năm: 1998; cư trú tại thôn V, xã V, tỉnh Gia Lai (Hợp đồng ủy quyền ngày 26/9/2025).

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 (Công ty V1); địa chỉ: số E, thôn A, xã H, huyện D (nay là xã H), tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bạch Y – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T1, sinh năm: 1981; cư trú tại thôn T, xã B, tỉnh Lâm Đồng (Hợp đồng ủy quyền ngày 24/02/2025).

Người kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 – Nguyên đơn.

(Ông H, ông T1 có mặt tại phiên tòa; bà S, ông K, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2024, các tài liệu chứng cứ và quá trình tố tụng nguyên đơn Công ty T3 trình bày: Công ty T3 và Công ty V1 đã ký kết với nhau 02 Hợp đồng kinh tế, cụ thể: Hợp đồng kinh tế số P-01623 ngày 13/11/2023, số lượng 250.000 kg; đơn giá 61.000 đồng; chất lượng cà phê Robusta Việt Nam, loại 1 sàng 16, hàng chất lượng cao CLEAN, niên vụ 2023 – 2024, theo bảng tiêu chuẩn chất lượng mùa vụ 2023 – 2024 của Tuần Lộc C; giao hàng trễ nhất ngày 20/12/2023 và Hợp đồng kinh tế số P-01625 ngày 14/11/2023, số lượng 200.000 kg; đơn giá 62.000 đồng; chất lượng cà phê Robusta Việt Nam, loại 1 sàng 16, hàng chất lượng cao CLEAN, niên vụ 2023 – 2024, theo bảng tiêu chuẩn chất lượng mùa vụ 2023 – 2024 của Tuần Lộc C; giao hàng trễ nhất ngày 20/12/2023. Sau khi ký kết Hợp đồng, Công ty T3 tin tưởng sẽ được giao hàng đúng, đủ theo Hợp đồng nên đã lên kế hoạch sản xuất kinh doanh và xuất khẩu bán cho đối tác ở nước ngoài, đồng thời cũng có những cam kết về số lượng, giá cả và thời hạn giao hàng cũng như các chế tài vi phạm với các đối tác.

Trong quá trình thực hiện 02 Hợp đồng đã ký kết, Công ty V1 đã giao hàng 71.826 kg của Hợp đồng số P-01623, còn Hợp đồng số P-01635 thì không giao hàng. Công ty V1 vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký. Ngày 24/4/2024, Công ty L là đại diện theo ủy quyền của Công ty T3 đã gửi Công văn số 06/2024/CV yêu cầu Công ty V1 phải thực hiện Hợp đồng nhưng Công ty V1 không phản hồi.

Công ty T3 mua bù chênh lệch như sau:

1. Đối với Hợp đồng số P-01623, Công ty V1 mới chỉ giao được 71.826kg, còn thiếu 178.174 kg, do đó Công ty T3 phải mua bù theo các Hợp đồng dưới đây:

- Hợp đồng số P-02082 mua của Doanh nghiệp tư nhân T4 với số lượng 59.791 kg, giá là 107.800 đồng/ kg, số tiền là $59.791 \text{ kg} \times 107.800 \text{ đồng} = 6.445.469.800 \text{ đồng}$.

- Hợp đồng số P-02088 ngày 05-5-2024 mua của Công ty TNHH K1 với số lượng 34.777 kg, giá là 107.800 đồng/ kg, số tiền là $34.777 \text{ kg} \times 107.800 \text{ đồng} = 3.748.960.600 \text{ đồng}$.

- Hợp đồng số P-02089 mua của Công ty TNHH K1 với số lượng 99.485 kg, giá là 105.800 đồng/ kg. Tuy nhiên, số lượng hợp đồng này lớn hơn nên chỉ bù qua với số lượng là $178.174 \text{ kg} - 59.791 \text{ kg} - 34.777 \text{ kg} = 83.606 \text{ kg}$, tương đương số tiền mua bù là $83.606 \text{ kg} \times 105.800 \text{ đồng} = 8.845.514.800 \text{ đồng}$.

Số tiền chênh lệch khi mua bù cho Hợp đồng số P-01623 là: $(6.445.469.800 \text{ đồng} + 3.748.960.600 \text{ đồng} + 8.845.514.800 \text{ đồng}) - (178.174 \text{ kg} \times 61.000 \text{ đồng}) = 8.171.331.200 \text{ đồng}$.

2. Đối với Hợp đồng số P-01635, Công ty V1 không giao hàng, do đó Công ty T3 phải mua bù theo các Hợp đồng dưới đây:

- Hợp đồng số P-02084 ngày 05-5-2024 mua của chi nhánh Công ty cổ phần T5 tại Đ với số lượng là 99.851 kg, giá là 105.000 đồng/kg. Số tiền $99.851 \text{ kg} \times 105.000 \text{ đồng} = 10.484.355.000 \text{ đồng}$.

- Hợp đồng số P-02085 ngày 05-5-2024 mua của chi nhánh Công ty cổ phần T5 tại Đ với số lượng là 99.624 kg, giá là 106.400 đồng/kg. Số tiền $99.624 \text{ kg} \times 106.400 \text{ đồng} = 10.599.993.600 \text{ đồng}$.

- Hợp đồng số P-02089 mua của Công ty TNHH K1 với số lượng 5.525 kg, giá là 105.800 đồng/kg. Số tiền là $5.525 \text{ kg} \times 105.800 \text{ đồng} = 584.545.000 \text{ đồng}$.

Số tiền chênh lệch khi mua bù cho Hợp đồng số P-01635 là: $(10.484.355.000 \text{ đồng} + 10.599.993.600 \text{ đồng} + 584.545.000 \text{ đồng}) - (200.000 \text{ kg} \times 62.000 \text{ đồng}) = 9.268.893.600 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền chênh lệch tương ứng với số lượng mà Công ty V1 giao còn thiếu 380.000 đồng là $8.171.331.200 \text{ đồng} + 9.268.893.600 \text{ đồng} = 17.440.224.800 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên chấm dứt 02 Hợp đồng kinh tế giữa Công ty V1 và Công ty T3 và buộc Công ty V1 bồi thường cho Công ty T3 số tiền 17.440.224.800 đồng.

Nguyên đơn không đồng ý với Kết luận giám định số 65/KL-KTHS(TA) ngày 25/8/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh L. Tuy nhiên, không yêu cầu trưng cầu giám định lại.

Tài liệu chứng cứ, chứng minh: Hợp đồng kinh tế số P-01623 ngày

13/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số P-01635 ngày 14-11-2023 (*bản chính*); Hợp đồng số P-02088 ngày 05/5/2024; Hợp đồng số P-02084 ngày 05/5/2024; Hợp đồng số P-02085 ngày 05/5/2024; Hợp đồng số P-02080 ngày 04/5/2024, các chứng từ liên quan hợp đồng mua bù...(*bản sao*); 05 Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 19/12/2023, ngày 18/12/2023, ngày 21/12/2023, ngày 20/12/2023, ngày 20/12/2023 của Công ty V1.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty V1 ông Lê Ngọc T1 trình bày:
Giữa Công ty T3 và Công ty V1 có quan hệ mua bán hàng hoá (cà phê), quá trình mua bán đã giao hàng và thanh toán đầy đủ tiền, đến nay Công ty V1 không còn nợ Công ty T3. Tại Bản tự khai ngày 25/11/2024 và Bản trình bày ý kiến ngày 30/10/2024 bị đơn trình bày có quan hệ mua bán cà phê. Sau đó, bị đơn về đối chiếu chứng từ, sổ sách kế toán của Công ty thì phát hiện không ký kết với Công ty T3 hai hợp đồng cụ thể: Hợp đồng kinh tế số P-01623 ngày 13/11/2023 và Hợp đồng kinh tế số P-01625 ngày 14/11/2023. Do đó, Công ty V1 đã yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của bị đơn. Tại Kết luận giám định số 65/KL-KTHS(TA) ngày 25/8/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh L xác định chữ ký không phải của bị đơn, vì vậy Công ty T3 yêu cầu: Tuyên chấm dứt 02 Hợp đồng kinh tế giữa Công ty V1 và Công ty T3 và buộc Công ty V1 bồi thường cho Công ty T3 số tiền 17.440.224.800 đồng thì Công ty V1 không đồng ý, do hợp đồng vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên. Việc Công ty V1 xuất 05 hóa đơn giá trị gia tăng đối với số cà phê 71.826 kg ghi theo hợp đồng, tuy nhiên việc mua bán giữa Công ty V1 và Công ty T3 theo phương thức, Công ty V1 giao cà phê thì Công ty T3 mới thanh toán tiền theo số lượng đã giao, sau đó Công ty V1 xuất hoá đơn giá trị gia tăng theo yêu cầu của Công ty T3.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng đã xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 về chấm dứt 02 Hợp đồng kinh tế giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 và buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 số tiền 17.440.224.800 đồng.

Ngày 13/10/2025, Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên chấm dứt 2 hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH T3 với Công ty TNHH V1; Buộc Công ty TNHH V1 bồi thường thiệt hại 17.440.224.800 đồng là tiền chênh lệch mà Công ty TNHH T3 mua bù.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bị đơn đã giao một phần cà phê cho nguyên đơn theo hai hợp đồng mua bán đã ký kết nên nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hai hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ vì bị đơn không giao đủ hàng hóa theo thời hạn trong hợp đồng gây

thiệt hại, ngày 20/12/2023 nguyên đơn đã gia hạn thời gian giao hàng cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn cũng không giao nên nguyên đơn phải mua hàng thay thế. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn đề nghị giải quyết như án sơ thẩm, sau khi đối chiếu sổ sách thì Công ty TNHH V1 thừa nhận đã giao một phần cà phê cho nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì sau khi giám định thì hợp đồng mua bán không phải chữ ký của bị đơn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của Công ty TNHH T3 ; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH T3 thì thấy rằng:

Công ty T3 và Công ty V1 đã ký kết với nhau 02 Hợp đồng kinh tế, cụ thể: Hợp đồng kinh tế số P-01623 ngày 13/11/2023, số lượng 250.000 kg; đơn giá 61.000 đồng; chất lượng cà phê Robusta Việt Nam; giao hàng trễ nhất ngày 20/12/2023 và Hợp đồng kinh tế số P-01625 ngày 14/11/2023, số lượng 200.000 kg; đơn giá 62.000 đồng; chất lượng cà phê Robusta Việt Nam, loại 1 sàng 16, hàng chất lượng cao CLEAN, niên vụ 2023 – 2024, theo bảng tiêu chuẩn chất lượng mùa vụ 2023 – 2024 của Tuấn Lộc C; giao hàng trễ nhất ngày 20/12/2023. Công ty Vũ Yên T2 đã giao hàng 71.826 kg của Hợp đồng số P-01623, Công ty T3 đã trả đủ tiền mua số cà phê 71.826 kg cho Công ty V1. Công ty T3 yêu cầu tuyên chấm dứt 02 Hợp đồng kinh tế giữa Công ty V1 và Công ty T3 và buộc Công ty V1 bồi thường cho Công ty T3 số tiền 17.440.224.800 đồng. Công ty V1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu của Công ty T3, do giữa hai Công ty đã thực hiện rất nhiều giao dịch mua bán, đến nay các giao dịch đều đã thực hiện xong. Việc mua bán được thực hiện theo phương thức Công ty V1 thu mua cà phê từ người dân và các đại lý nhỏ, sau đó bán cà phê thu mua được cho Công ty T3, sau khi nhận cà phê thì Công ty T3 trả tiền mua cho Công ty V1. Hai công ty đều xác nhận Công ty T3 không trả tiền trước hoặc tạm ứng tiền cho Công ty V1 thu mua cà phê. Việc trả tiền Công ty V1 chỉ thực hiện sau khi nhận cà phê.

Tại Kết luận giám định số 65/KL-KTHS(TA) ngày 25/8/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh L xác định không phải chữ ký của bị đơn trong hai hợp đồng nêu trên. Do đó, hai hợp đồng nêu trên là vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh là 06 hợp đồng mua bù thực hiện vào thời điểm ký kết hợp đồng mua bù khoảng tháng 5/2024 (ngày giao hàng của Công ty V1 chậm nhất là ngày 20/12/2023), để yêu cầu bị đơn trả giá chênh lệch cao là không phù hợp thực tế.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí trưng cầu giám định số tiền là 8.500.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên buộc nguyên đơn phải chịu số tiền trên.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 về chấm dứt 02 Hợp đồng kinh tế giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 và buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 số tiền 17.440.224.800 đồng (*Mười bảy tỷ bốn trăm bốn mươi triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng*).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 số tiền 8.500.000 đồng.

3. Về án phí:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 phải chịu 125.440.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 63.320.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004208 ngày 11/10/2024 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Lâm Đồng và 2.000.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số

0008268 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn T3 còn phải nộp 62.120.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng GD, TT, KT&THA (01);
- TAND khu vực 4 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 4 – Lâm Đồng (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt